

Bản án số: 43 /2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 08/6/2021

Về việc ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

*** Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Trần Quảng Thái
2. Bà Trần Thanh Vân

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Ma Thị Huyền Nhung - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:** Bà Đinh Thị Hương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 08/6/2021 tại Hội trường, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 55/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/QĐXX- ST ngày 10/5/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1993. Có mặt

*** Bị đơn:** Anh Nông Anh T, sinh năm 1991. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Đều có HKTT tại: Tổ 11, phường Q, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, các bản khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị Lan A trình bày: Chị và anh Nông Anh T kết hôn năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên và tổ chức cưới hỏi theo nghi thức truyền thống. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng bố mẹ chồng tại tổ 11, phường Q, thành phố TN sau đó hai vợ chồng ra ở riêng. Thời gian đầu chung sống anh chị hạnh phúc, đến năm 2018 thì bắt đầu mâu thuẫn và đến năm 2020 thì ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều bất đồng trong cuộc sống và tính cách, có lần anh T có đánh đập chị. Chị Lan A xác định tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Nông Anh M, sinh ngày 10/5/2018. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định chị và anh T không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nông Anh T trong bản tự khai ngày 18/3/2021 và biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2021 trình bày: Anh công nhận lời khai của chị Lan A về thời gian kết hôn, con chung và tài sản chung, công nợ chung là đúng. Về nguyên nhân chị Lan A đề nghị ly hôn với anh là do vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ dẫn đến việc chị Lan A gửi đơn ly hôn ra Tòa án. Trong các bản khai anh T mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ với nhau để cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên nếu chị Lan A nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, lấy lời khai của các đương sự đồng thời cho hai bên tiến hành hòa giải nhưng anh T không có mặt. Vì vậy, vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, chị Lan A giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh T; đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nông Anh M, sinh ngày 10/5/2018 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tài sản chung, công nợ chung không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tuân thủ đúng quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Lan A, cho Chị Lan A được ly hôn với anh Nông Anh T. Về con chung giao cháu Nông Anh M, sinh ngày 10/5/2018 cho Chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung. Việc cấp dưỡng không giải quyết do Chị Lan A không yêu cầu. Tài sản chung, công nợ chung không giải quyết do Chị Lan A không có yêu cầu. Chị Lan A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:* Nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Bị đơn anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng

mặt bị đơn. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Lan A và anh Nông Anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống do chị Lan A, anh T bất đồng trong suy nghĩ, cách sống, dẫn đến việc xảy ra mâu thuẫn. Bản thân chị Lan A vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn. Anh T trong các bản khai đều thể hiện mong muốn hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng nếu chị Lan A vẫn giữ nguyên đề nghị ly hôn thì anh đồng ý. Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên đương sự tự hòa giải nhưng anh T vắng mặt trong các buổi hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lan A và anh T đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Lan A đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3. *Về con chung*: có 01 con chung là Nông Anh M, sinh ngày 10/5/2018. Xét ý kiến của các đương sự thấy, chị Lan A có đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nông Anh M, bản thân chị đang làm tại công ty cổ phần đầu tư quốc tế THAGACO với thu nhập khoảng 12.000.000đ/tháng đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Anh T trong biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2021 cũng đồng ý để chị Lan A trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu M còn nhỏ (37 tháng tuổi) cần có sự chăm sóc của người mẹ, bản thân chị Lan A và anh T có sự thống nhất để chị Lan A chăm sóc con chung nên ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự về nội dung này.

Về cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do Chị Lan A không có yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Tòa án không giải quyết do hai bên đương sự không có yêu cầu.

5. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Lan A phải nộp án dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Lan A. Cho chị Nguyễn Thị Lan A được ly hôn với anh Nông Anh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Anh M, sinh ngày 10/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Mẩu 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án không giải quyết do Chị Lan A không có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Lan A phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0004532 ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi ND, BD cư trú;
- Các DS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân

